

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2024

V/v: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Một.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Đoàn;

2. Bà Lê Thị Chính;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Quý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hương Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1969; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Vĩnh X, sinh năm 1962; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Cùng trú tại: Khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Chị và anh Đặng Vĩnh X tự nguyện tìm hiểu, yêu nhau và đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân An (nay là thị trấn T) huyện H, tỉnh Quảng Nam

vào ngày 15/11/1989. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng vài năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bản thân anh X chơi bời, rượu chè và có hành vi đánh đập chị N. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không hề có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân nhau đã gần 01 năm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Vĩnh X.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Đặng Thị Hoàng O - Sinh ngày 12/7/1990 và Đặng Thị Thảo T – Sinh ngày 13/10/1994. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án điều chỉnh.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn – anh Đặng Vĩnh X vắng mặt nhưng trong biên bản ghi lời khai anh X trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn. Anh X thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn là do chị N hay bỏ nhà đi chứ anh không có đánh đập, ngược đãi chị N, bản thân anh còn thương yêu chị N và mong vợ chồng được đoàn tụ chứ không muốn ly hôn.

Về con chung: Anh X thống nhất có 02 con chung tên là Đặng Thị Hoàng O - Sinh ngày 12/7/1990 và Đặng Thị Thảo T – Sinh ngày 13/10/1994 như chị N trình bày, hiện nay các con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh X có nguyện vọng đoàn tụ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh X khai anh chị không có nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức:

- Về chấp hành pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh X; về con chung: các con chung đã trưởng thành nên đề nghị HĐXX không xét; tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Bích N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đặng Vĩnh X, anh X có nơi cư trú tại khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đến nhà của anh X để làm việc nhưng anh X có đơn yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, bản thân anh X đã được ghi lời khai và tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng anh X vẫn không có mặt. Vì không thể tiến hành hòa giải được nên Tòa án đã tiến hành ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho anh X nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất anh X vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ cho anh X. Đến phiên tòa hôm nay anh X vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh X. Đối với chị Nguyễn Thị Bích N có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh X đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân thị trấn Tân An (nay là thị trấn T) huyện H, tỉnh Quảng Nam vào ngày 15/11/1989. Khi kết hôn chị N và anh X tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối nên hôn nhân của anh chị hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến những năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn, theo chị N thì thời gian này, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X thường xuyên rượu chè, cờ bạc và có hành vi đánh đập chị N, vợ chồng sống ly thân đã hơn 01 năm nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh X đến Tòa án để hòa giải nhưng anh X không đến Tòa án làm việc và có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, tại biên bản ghi lời khai anh X cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng như chị N khai, anh X cho rằng chưa hề đánh đập chị N và mong muốn vợ chồng đoàn tụ chứ không muốn ly hôn. Qua xác minh tại Công an thị trấn T về việc chị N khai có lần bị anh X đánh đập chị đã báo cáo đến Công an thị trấn T, tại đây Công an thị trấn T xác nhận vào cuối năm 2023 chị N có đơn trình báo về việc bị chồng là anh Đặng Vĩnh X đánh đập, bạo hành, Công an thị trấn T có tiếp nhận đơn báo và có báo gọi anh X đến để làm việc, tuy nhiên sau đó chị N có yêu cầu xin rút lại đơn báo cáo nên Công an thị trấn T không tiến hành xử lý đối với anh X mà để vợ chồng tự giải quyết với nhau. Từ đó cho thấy việc chị N khai bị anh X ngược đãi, đánh đập là có thật, việc anh X khai không hề đánh đập chị N và có nguyện

vọng xin được đoàn tụ là không có cơ sở, nếu bản thân anh X thật sự muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc thì anh đã không vắng mặt khi tòa án tiến hành hòa giải vụ án.

HĐXX xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị N và X không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N yêu cầu được ly hôn với anh X là có cơ sở, phù hợp với các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Các con chung của chị N và anh X đã trưởng thành trên 18 tuổi và tự lập được, các đương sự không yêu cầu tòa điều chỉnh nên HĐXX không xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa điều chỉnh nên HĐXX không xét.

Về nợ chung không có, không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích N đối với anh Đặng Vĩnh X về việc: Xin ly hôn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn anh Đặng Vĩnh X.

[2] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị N đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011254 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Hiệp Đức;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Đức;
- UBND thị trấn Tân Bình.
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Một